

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trương; Ông Võ Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGD ngày 03 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Trà M**, sinh năm 1994; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1994; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp S, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M trình bày: Qua tìm hiểu chị và anh Nguyễn Thanh T tiến đến hôn nhân năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, thị xã Gò Công cùng năm. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T không chăm lo cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không tôn trọng cha mẹ vợ, có cãi vả và đánh nhau với cha vợ. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 07/5/2014 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 23/11/2015. Khi ly hôn chị M yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị M, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Anh T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh T; Về con chung giao cháu T và cháu P cho chị M trực tiếp nuôi, anh T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì chị M chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Trà M khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Thanh T có nơi cư trú ấp S, xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, chị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh T, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Nguyễn Thanh T sống chung vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chăm lo cho gia đình, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không tôn trọng cha mẹ vợ, có cãi vã và đánh nhau với cha

vợ. Chị M và anh T đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, anh T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị M, nhưng anh T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh T đối với chị M đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Xét thấy hôn nhân của chị M và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị M xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị M và anh T có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 07/5/2014 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 23/11/2015.

Xét thấy, qua lời trình bày của chị M và biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương thì từ khi sinh ra cho đến nay cháu T và cháu P đều do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M hiện nay đang có công việc ổn định tại địa phương. Anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, để cháu T và cháu P phát triển ổn định, toàn diện thì việc giao hai con chung cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, nên yêu cầu của chị M về việc nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị M là người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Trà M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 07/5/2014 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 23/11/2015. Anh Nguyễn Thanh T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trà M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 43443 ngày 28/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị M đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã T, thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án ăn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy